

Bản án số: 58/2019/HS-ST
Ngày 08-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường UBND xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2019/HSST ngày 16-10-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/5/2000; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn G, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 44 ngày 31/7/2018 của TAND huyện Tứ Kỳ xử phạt 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 06/9/2019 đến nay, có mặt.

- Người bị hại:

+ Chị **Khương Thị T**, sinh năm 1974;

Trú tại: thôn T, xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh **Nguyễn Kim L**, sinh năm 1977.

Trú tại: thôn T, xã B, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Do cần tiền chi tiêu nên T nảy sinh ý định đi xem có gia đình nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 30/8/2019, T đi bộ theo hướng UBND xã B ra đường gom cao tốc 5B đi xã Q. Khi qua nhà chị Khương Thị T, T nhìn thấy trong sân nhà chị T có dựng một chiếc xe đạp mini, sơn màu đen đã cũ, phía sau gác ba ga xe có buộc ghế ngồi trẻ em bằng sắt, sơn màu xanh đã cũ. Quan sát thấy không có người trông coi, T đi vào sân, gạt chân chống xe và dắt xe ra cổng, sau đó đạp xe ra đường liên xã hướng đi xã Q. Cùng lúc này, chị T nghe thấy tiếng động, đi ra ngoài kiểm tra thì phát hiện bị mất xe đạp và thấy T đang điều khiển xe của mình cách khoảng 100m. Chị T hô hoán và cùng anh Nguyễn Kim L là hàng xóm đi xe máy chở chị T đuổi theo khoảng hơn 100m thì bắt giữ được T cùng xe đạp đưa về UBND xã B lập biên bản làm việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 35/KL-ĐGTS ngày 05/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 chiếc xe đạp cũ, loại xe mini, sơn màu đen, xe có giỏ nhựa màu đen phía trước. Xe đạp được mua vào tháng 3/2015, tại thời điểm ngày 30/8/2019 tài sản có giá trị 350.000 đồng; 01 chiếc ghế làm bằng sắt, sơn màu xanh (buộc phía sau gác ba ga của xe đạp dùng để chở trẻ em). Ghế đã cũ bị bóc sơn nhiều chỗ, thành bên trái của ghế không còn các thanh chắn, ghế được mua vào tháng 10/2015. Tại thời điểm ngày 30/8/2019 tài sản có giá 30.000 đồng. Tổng trị giá các tài sản T trộm cắp của chị Khương Thị T có giá 380.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 53/CT-VKSTK ngày 15-10-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên toà: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 5 Điều 65, Điều 56; Điều 38 BLHS. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt 14 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 44 ngày 31/7/2018 của TAND huyện Tứ Kỳ thành án giam, buộc T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 đến 23 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2019; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với T; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng không đặt ra giải quyết, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với bị cáo là đúng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại là chị Khương Thị T xin giải quyết vắng mặt; về trách nhiệm dân sự không đề nghị Tòa án giải quyết; về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xét xử bị cáo T theo đúng quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác, có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 30/8/2019, tại gia đình chị Khương Thị T ở thôn T, xã B, huyện Tứ Kỳ, Nguyễn Văn T đã lén lút, chiếm đoạt của chị T 01 chiếc xe đạp cũ, loại xe mini, sơn màu đen, sau xe có buộc 01 chiếc ghế chở trẻ em bằng sắt, tổng trị giá 380.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng do bản chất ham chơi, lười lao động đã cố ý chiếm đoạt tài của người khác. Mặc dù giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nhưng do bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt, chưa được xóa án tích nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của BLHS, như quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, cần phải được xử lý theo quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo T đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Do trị giá tài sản trộm cắp dưới mức định lượng quy định của BLHS nên lần bị cáo bị kết án của bản án trước là điều kiện để xử lý bị cáo ở lần phạm tội này nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Mặc dù quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, HĐXX sẽ xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, nhưng dù có giảm nhẹ vẫn cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên phải chuyển hình phạt của bản án trên thành án giam và tổng hợp hình phạt

của bản án mới để buộc T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự; Chị T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra việc giải quyết:

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với một chiếc xe đạp mini, phía sau gác ba ga có gắn chiếc ghế chở trẻ em, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Khương Thị T nên không đặt ra xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 5 Điều 65; Điều 56 BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **06** (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 14 tháng tù cho hưởng án treo chuyển thành án giam, tại bản án hình sự 44/2018/HSST ngày 31/7/2018 của TAND huyện Tứ Kỳ, buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án **20** (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2019

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam -CA tỉnh HD
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự huyện Tứ Kỳ
- Cơ quan CSĐT; Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công huyện Tứ Kỳ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân